

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102A/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13/03/2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi  
ly hôn”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cường

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đỗ Thị Thanh

Bà Ngô Thị Thom

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Nam Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 155/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1982; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan.

*Người được anh P uỷ quyền giao nhận văn bản tố tụng:* Chị **Vũ Thị C**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh P:* Anh **Đặng Thái L**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khu dân cư T, phường S, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Đặng Thị C1**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

Anh P, chị C1 đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong giá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị C1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/03/2006. Sau khi kết hôn anh và chị C1 chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2014 để phát triển kinh tế gia đình, anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khoảng một năm đầu tiên tình cảm vợ chồng anh vẫn bình thường. Đến năm 2015 do vợ chồng mỗi người lao động và sinh sống ở một nước khác nhau, khoảng cách xa, sự gần gũi chia sẻ không có, lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Ngoài ra, anh đi làm gửi tiền về cho chị C1 tuy nhiên chị Chuyên dùng số tiền đó để chơi bời, hoang phí và sống không chung thủy với anh. Vợ chồng anh đã sống ly thân nhiều năm nay. Dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên giải nhưng đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C1. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, anh đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị C1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 2006 và Nguyễn Văn M, sinh năm 2013. Hiện tại con Nguyễn Thị Quỳnh A đã trưởng thành nên không yêu cầu toà án giải quyết. Còn con Nguyễn Văn M, sinh năm 2013 đang sống ổn định cùng mẹ nên khi ly hôn anh P tiếp tục giao con cho chị C1 tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng hoặc nghe theo nguyện vọng của con. Mức cấp dưỡng con chung do hai bên tự thỏa thuận. Nếu con có nguyện vọng ở cùng anh P thì anh cũng đồng ý chăm sóc và trong thời gian anh P không ở trong nước, anh P ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị C2, địa chỉ: KDC H, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương thay anh chăm sóc con chung đến khi về nước, anh không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của bị đơn chị Đặng Thị C1:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn P tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/03/2006. Sau khi kết hôn chị chuyển về sống cùng gia đình anh P tại Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Đến năm 2014 để phát triển kinh tế gia đình, anh P đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Do vợ chồng mỗi người lao động và sinh sống ở một nước khác nhau, khoảng cách xa, sự gần gũi chia sẻ không có, lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Chị xác định giữa chị và anh Nguyễn Văn P khác biệt với nhau về văn hóa, khoảng cách địa lý, không có sự quan tâm trong cuộc sống nên anh P làm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, chị nhất trí.

- Về con chung: Chị và anh P có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 2006 và Nguyễn Văn M, sinh năm 2013. Hiện tại con Nguyễn Thị Quỳnh A đã trưởng thành nên không yêu cầu toà án giải quyết. Còn con Nguyễn Văn M. Chị C1 yêu cầu anh P phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung 3.000.000 đồng/tháng và cấp dưỡng một lần.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của anh P và chị C1 là cháu Nguyễn Văn M có văn bản trình bày nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

*Tại phiên tòa:* Nguyên đơn anh P có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn chị C1 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn với chị Đặng Thị C1; Về con chung: Giao cho chị C1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn M, sinh năm 2013 cho đến khi con trưởng thành. Anh Nguyễn Văn P có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung cùng chị Đặng Thị C1 là 2.000.000 đồng/tháng; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Văn P có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Đặng Thị C1. Nguyên đơn anh P hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại Khu dân cư H, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Tại phiên tòa anh P có đơn đề nghị giải quyết xử vắng mặt; chị C1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh P, chị C1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn P và chị Đặng Thị C1 tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 14/03/2006 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng mỗi người lao động và sinh sống ở một nước khác nhau, khoảng cách xa, sự gần gũi chia sẻ không có. Hiện nay, anh P đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, chị C1 đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, mỗi người có cuộc sống riêng. Anh P xác định không còn tình cảm với chị C1 và có đơn xin ly hôn, chị C1 có quan điểm nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P, chị C1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho anh P ly hôn chị C1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Anh P và chị C1 có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh năm 2006 và Nguyễn Văn M, sinh năm 2013. Hiện tại con Nguyễn Thị Quỳnh A đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết. Còn con Nguyễn Văn M, chị C1 đề nghị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Anh P có quan điểm tiếp tục giao con cho chị C1 tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng hoặc nghe theo nguyện vọng của con. Hội đồng xét xử, xét thấy: Anh P đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, cháu M đang có cuộc sống ổn định cùng chị C1. Do đó, giao cho chị C1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M cho đến khi trưởng thành.

Về tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C1 có quan điểm yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, anh P có quan điểm là cấp dưỡng với mức 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử, xét thấy: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình thì anh P không trực tiếp nuôi con nên phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Theo quy định tại Nghị quyết số 2/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024, thì mức tối thiểu mà anh P phải cấp dưỡng nuôi con là bằng  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu vùng tại TP C (4.410.000 đồng), là 2.205.000 đồng. Xét điều kiện lao động tại nước ngoài của anh P có khả năng thu nhập và nhu cầu ăn học của con chung đã gần 18 tuổi, thì cần chấp nhận mức yêu cầu cấp dưỡng của chị C1 đề nghị, buộc anh P có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng cùng chị C1 là 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi là phù hợp. Do đương sự không tự

thỏa thuận, nên theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng một lần của chị C1, buộc anh P cấp dưỡng hàng tháng.

Anh Nguyễn Văn P được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Anh P phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn P được ly hôn chị Đặng Thị C1.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị C1 được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn M, sinh năm 2013 thời gian từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn P có trách nhiệm cấp dưỡng hàng tháng cho con chung cùng chị Đặng Thị C1 là 3.000.000 đồng/tháng thời gian từ tháng 03/2025 đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm

hôn nhân và gia đình, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án ký hiệu BLTU/23 số 0000561 ngày 03/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (đã nộp đủ).

Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung (anh P chưa nộp).

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Chị Đặng Thị C1 vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Hoàng Tiên, thành phố Chí Linh  
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Cường**